TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2020/DS-PT.
Ngày 19/6/2020, ngày 26/6/2020
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.
Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng.
Ông Đinh Viết Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Khánh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân An - Kiểm sát viên.

Ngày 19/6/2020 và ngày 26/6/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST - DS ngày 10/1/2020 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX-PT ngày 06 tháng 2 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cúc.

Địa chỉ: thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C: Bà Trần Thị Hoàng M là người đại diện theo ủy quyền; địa chỉ: 117B H, Đ, Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 20/12/2016), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn P, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L.

Đều trú tại: thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: số 21 Văn Cao, thành phố Đ tỉnh Q là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/12/2019 và giấy ủy quyền ngày 17/12/2019), có mặt.

Người kháng cáo: Ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn P là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2015, đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 18/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trịnh Vũ M, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Năm 2005, vợ chồng ông M và bà C phát cây trồng rừng keo lai khoảng 2.000 cây trên diện tích đất 11.694 m^2 tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn Kinh Môn, xã Trung Sơn, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Đến tháng 5/2013, ông M và bà C tiến hành khai thác thì ông M, ông T, ông P, ông D, ông L gửi đơn đến UBND xã Tkhông cho ông M, bà C khai thác tràm với lý do các đồng bị đơn có tham gia vào phát rừng.

Việc các bị đơn không đồng ý cho ông M, bà C khai thác tràm trên diện tích đất rừng trên là không có cơ sở vì ngày 30/3/2002, ông M có đơn xin nhận 02 đồi đất khoảng 03 ha trên địa hình hồ chứa nước Kinh Môn và được Hợp tác xã Kinh Môn nhất trí để trồng rừng. Ông M, bà C đã trồng rừng trên hai quả đồi, trong đó có 01 quả đồi có diện tích đất 11.694 m^2 tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Vì vậy, nguyên đơn ông M, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận nguyên đơn có quyền sử dụng diện tích 11.694 m2 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K T, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị và công nhận toàn bộ số cây keo lai trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 là tài sản của ông ông Trịnh Vũ M, bà Nguyễn Thị C; buộc các bị đơn ông M, ông T, ông P, ông D, ông L phải chấm dứt hành vi cản trở khai thác.

Ngày 14/10/2019, nguyên đơn ông M, bà C xin rút yêu cầu về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 11.694 m^2 tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Các bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn P, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L trình bày:

Ngày 01/01/2005, ông T có đơn gửi UBND xã T, Trưởng thôn K. Ngày 04/01/2005 ông Tđược UBND xã Tgiao đất lâm nghiệp ở thửa 03, tờ bản đồ số 44 diện tích khoảng 50.000 m^2. Bị đơn đã tiến hành khai phá, phát thực bì.

Toàn bộ tài sản cây Tràm trên thửa đất diện tích 11.694 m^2 tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị là của các bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn P, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh xử:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 128, Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Công nhận quyền sở hữu của ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C đối với toàn bộ cây tràm trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

- Buộc ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Văn P, anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Văn Lchấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện các quyền của chủ sở hữu.

- Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu bổ sung về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 11.694 m2 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị đơn ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn P có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung với nội dung sau:

- Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đưa ông Trần Quốc Trí và ông Trần Văn Phúc là người làm chứng trong vụ án.

- Các bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn P không có lời nói, hành động va chạm với ông Trịnh vũ Minh. Tài sản trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 theo Giấy cấp đất của UBND xã Tngày 04/1/2005 không có tên ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn P. Đây là tài sản hợp pháp của ông Trịnh Văn T. Tòa án cấp sơ thẩm đưa Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn P vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn trong vụ án là không có cơ sở.

- Theo Giấy giao đất ngày 04/1/2005 của UBND xã Tgiao cho ông Trịnh Văn T đất trồng cây lâm nghiệp tại thửa số 03, tờ bản đồ số 44 với diện tích 50.000m^2. Đến nay UBND xã Tchưa có văn bản nào thay thế hoặc thu hồi thửa đất trên. Ông Tđược UBND xã Thòa giải thành công khi ông M có đơn tranh chấp ngày 22/3/2005. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở là trái pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 05 ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách người tham gia tố tụng. Tiến hành thu thập, kiểm tra giao nộp, công khai chứng cứ, thủ tục hòa giải, xem xét thẩm định tại chỗ và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng quy định.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Điều 64 BLTTDS; trình tự, thủ tục phiên tòa đảm bảo; thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 51 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn,

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70, 71, 73 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, những người làm chứng bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Th, ông Trần Văn Đ, ông Trần Xuân Ph, ông Nguyễn Viết C, ông Tạ Quang K, ông Lê Văn T, ông Ngô Thế L vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án vì đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Trịnh Vũ M và bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng diện tích 11.694 m2 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị; công nhận toàn bộ số cây keo lai trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị là của ông M, bà Cvà buộc các bị đơn phải chấm dứt hành vi cản trở khai thác trái pháp luật. Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"*.

[3]. ***Về nội dung kháng cáo của các bị đơn ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn P***:

[3.1]. Đối với nội dung kháng cáo mà các bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đưa Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn P vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn trong vụ án là không có cơ sở, Hội đồng xét xử thấy: Tại khoản 3 Điều 68 BLTTDS quy định: "*Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện…để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm".* Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn ông M, bà Ckhởi kiện ông Thừa, ông Mùi, ông Dần, ông Long, ông Phương. Cũng tại Biên bản ghi lời khai ngày 23/7/2005, ông Mùi trình bày: Diện tích đất tại thửa số 06, tờ bản đồ số 44 ở Kinh Môn, Trung Sơn, Gio Linh là của 05 anh em ông Thừa, ông Mùi, ông Dần, ông Long, ông Phương. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn P tham gia tố tụng vụ án với tư cách bị đơn là đúng pháp luật.

[3.2] Xét những nội dung kháng cáo các bị đơn cho rằng không có hành vi cản trở khai thác trái pháp luật đối với ông M, bà Cúc, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa, ông M, bà C thừa nhận các bị đơn không có hành vi trực tiếp cản trở việc nguyên đơn khai thác mà UBND xã T không cho nguyên đơn khai thác vì đang

có tranh chấp. Đồng thời, nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc các bị đơn có hành vi cản trở ông M, bà Ckhai thác. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Văn P, anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Văn Lchấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện các quyền của chủ sở hữu của ông M, bà Cúc.

[3.3] *Xét nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy:*

Ngày 16/12/2002, ông M, bà Ccó đơn xin giao đất lâm nghiệp diện tích 30.000m^2 tại 02 đồi giữa hồ nước Kinh Môn, cạnh phía Đông, Bắc giáp hồ chứa nước Kinh Môn, cạnh phía Tây giáp rừng Việt Đức. Thời hạn xin giao 50 năm. Đơn xin giao đất lâm nghiệp được trưởng thôn Kinh Môn xác nhận. Ngày 20/12/2002 UBND xã Txác nhận và giao đất theo sơ đồ xin giao đất. Ngày 01/1/2005, ông Trịnh Văn T có đơn xin giao đất lâm nghiệp diện tích 05ha có vị trí: Cạnh phía Đông, Tây, Nam giáp mặt hồ Kinh Môn; cạnh phía Bắc giáp rừng trồng dự án Việt Đức của anh Nguyễn Văn Cương. Ngày 04/1/2005 UBND xã Txác nhận và giao đất theo sơ đồ xin giao đất.

Theo ông M, bà Ctrình bày: Từ năm 2002-2004, ông M tiến hành phát quang, trồng rừng và để lại vành đai bảo vệ, nhưng do trâu bò phá nên chưa trồng được tràm trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 mà chỉ trồng được đồi dưới giáp với đất ông Nguyễn Thọ Vinh. Khoảng tháng 8, 9/2005 ông M thuê người trồng tràm trên diện tích đất trên. Còn các bị đơn cho rằng: Sau khi được giao đất, đã tiến hành phát dọn cây, cuối tháng 7 đầu tháng 8/2005 tiến hành trồng Tràm và năm 2006, 2007 tiến hành phát thực bì cho cây phát triển.

Tại Kết luận số 527/KL-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện Gio Linh kết luận: *"...Thửa đất tranh chấp nằm trong một phần thửa đất số 03 nay là thửa số 06, tờ bản đồ số 44, có 04 cạnh giáp với Hồ Kinh Môn diện tích 11.694m^2. Đây là một trong 02 đồi đảo tháng 3/2002 ông Trịnh Vũ Mcó đơn xin và được HTX Kinh Môn xác nhận...". Ngày 04/1/2005, UBND xã Tđã tiếp nhận đơn xin đất trồng rừng của ông Trịnh Văn T ở thửa số 03 nay là thửa số 06, tờ bản đồ số 44, nhưng không kiểm tra thực địa và nguồn gốc đất nên đã xác nhận vào đơn sai với diện tích và vị trí hiện trạng diện tích đất thực tế là 15.776m^2, lại xác nhận 50.000m^2, trong đó có 11.694m^2 là một phần diện tích mà trước đó ông Trịnh Vũ Mđã xin và sử dụng..."* và cũng tại Kết luận số 527/KL-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện Gio Linh thì UBND xã Txác định: *"Năm 1999 -năm 2002, HĐND xã có Nghị quyết khuyến khích nhân dân khai hoang diện tích đất hoang hóa để phủ xanh đất trống đồi trọc...Đến năm 2005 không còn diện tích hoang hóa, giai đoạn này trâu bò thả rong không ai chăn giữ nên nhiều diện tích cây trồng bị phá hoại. Năm 2004 – 2005 UBND xã có thông báo cấm trâu, bò thả rong, từ đó mới ổn định sản xuất..Năm 2002 ông M xin đất và được Chủ nhiệm HTX đồng ý. Căn cứ vào nguồn gốc, ông M đã tác động vào đất vì vậy ông M có cơ sở pháp lý..".*

Đối với người làm chứng ông Nguyễn Viết Diệp trình bày: *"Khoảng năm 2005, ông Diệp đi chăn bò trên thửa đất đang tranh chấp thì thấy anh em ông Trịnh Văn M và ông Trịnh Văn T phát thực bì trên thửa đất trên. Việc ông Mùi và ông Tcó trồng Tràm hay không thì không rõ".* Tại phiên tòa ông Diệp cho rằng các bị đơn có trồng Tràm, nhưng trồng thời gian nào thì không nhớ. Người làm chứng bà Nguyễn Thị Xuân

trình bày: *"Năm 2005, có thấy anh em ông Trịnh Văn T phát quang và trồng rừng, một thời gian sau cũng thấy ông M trồng rừng trên thửa đất này"*. Người làm chứng ông Trần Văn Phúc trình bày: *"Năm 2005, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 chưa có ai khai hoang, anh em ông Trịnh Văn T cũng không khai hoang thửa đất này. Thửa đất mà anh em ông Tkhai hoang là 01 đồi đảo, tiếp giáp với đất ông Nguyễn Viết Cương"*. Người làm chứng bà Nguyễn Thị Thương trình bày: *"Khoảng năm 2005, khi đi rà phế liệu thấy ông Trịnh Vũ Mthuê người trồng tràm trên toàn bộ diện tích đất của thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44. Anh em ông Trịnh Văn T dọn dẹp và trồng cây trên diện tích gần đó, phần đất này giáp với đất ông Nguyễn Viết Cương đến phần đất eo nhỏ là ranh giới giữa của hai thửa đất. Toàn bộ số tràm trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 là của ông Trịnh Vũ Minh"*. Còn người làm chứng ông Trần Văn Đạt, ông Tạ Quang Khôi, ông Tạ Quang Ái, ông Lê Lưu không biết số tràm trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 là của ai. Người làm chứng ông Bùi Quang Thanh, Anh Lê Văn Tĩnh, anh Võ Văn Dinh là những người đã trồng rừng cho nguyên đơn khẳng định: *"khoảng tháng 8/2005, ông Trịnh Vũ Mcó thuê trồng rừng trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 trong 02 ngày với ngày công 60.000 đồng/người/ngày"*. Người làm chứng ông Nguyễn Văn Sự nguyên bảo vệ rừng Việt Đức trình bày: *"Năm 2002, khi đang làm bảo vệ rừng Việt Đức, ông thấy ông Trịnh Vũ Mthuê người phát quang nhưng do trâu bò phá nên đến khoảng năm 2004-2005, ông M tiếp tục thuê người trồng toàn bộ số tràm trên thửa đất này. Còn anh em ông Trịnh Văn T có phát và trồng rừng diện tích đất tiếp giáp với đất của ông Nguyễn Viết Cương đến phần eo nhỏ (là ranh giới với thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44). Anh em ông Tkhông trồng rừng trên thửa đất 06, tờ bản đồ số 44"*. Người làm chứng ông Nguyễn Viết Cương trình bày: *"Năm 1997, ông Cương có trồng rừng Việt Đức gần với thửa đất 06, tờ bản đồ số 44. Năm 2002, ông có thấy ông Trịnh Vũ Mphát quang, trồng rừng trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44. Ông khẳng định số tràm trên thửa đất 06, tờ bản đồ số 44 là của ông Trịnh Vũ Minh. Anh em ông Trịnh Văn T không phát quang, trồng rừng trên thửa đất này mà chỉ phát quang, trồng rừng trên diện tích đất giáp với đất rừng của ông đến phần eo nhỏ là ranh giới với thửa đất 06, tờ bản đồ số 44"*. Người làm chứng ông Nguyễn Văn Quảng trình bày: *"Khoảng tháng 8/2005 ông M, bà Ctiến hành trồng rừng"*. Người làm chứng ông Nguyễn Văn Phúc trình bày*: "Khoảng tháng 8/2005 ông M, bà Ctiến hành trồng rừng, ông M, bà Cthuê một số người về trồng, ông Phúc có phụ giúp ông M, bà Cđể trồng rừng tại thửa đất 06, tờ bản đồ số 44"*. Cũng tại Biên bản làm việc ngày 19/1/2016 và tại phiên tòa ông Trịnh Văn M trình bày: *"...Sau khi anh em tôi phát quang đến tháng 9/2005 ông M có ra trồng cây với diện tích ít, trồng rất thưa. Ông M trồng Tràm trước, sau đó anh em ông Mùi trồng dặm thêm"*.

Như vậy, có cơ sở xác định việc ông M, bà Cđược UBND xã Tgiao đất sử dụng từ năm 2002, nhưng do trâu bò phá hoại cây cối nên đến 2005 ông M, bà Ctiến hành trồng cây Tràm trên diện tích đất 11.964m^2 tại thửa đất 06, tờ bản đồ số 44. Lời trình bày của ông M, bà Cphù hợp với Kết luận số 527/KL-UBND ngày 15/5/2018 của UBND huyện Gio Linh, ý kiến của UBND xã Tvà lời khai của những người làm chứng ông Võ Văn Dinh, ông Bùi Văn Thanh, ông Lê Văn Tĩnh, ông Nguyễn Văn Quảng, ông Nguyễn Văn Giảng, ông Trần Văn Phúc, ông Nguyễn Văn Phúc, ông Nguyễn Văn Sự, ông Nguyễn

Viết Cương, bà Nguyễn Thị Thương. Những người làm chứng ông Trần Văn Phúc, bà Nguyễn Thị Thương do bị đơn ông Trịnh Văn M yêu cầu Tòa án triệu tập, nhưng lại làm chứng cho phía nguyên đơn. Tại phiên tòa, ông Mùi thừa nhận ông M trồng Tràm trên thửa đất 06, tờ bản đồ số 44 trước các bị đơn trồng và sau đó các bị đơn trồng dặm thêm, nhưng các bị đơn không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh có việc trồng dặm và chứng minh toàn bộ cây tràm trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị là của các bị đơn trồng. Vì vậy, ông Trịnh Vũ Minh, bà Nguyễn Thị Ccó quyền sở hữu đối với toàn bộ cây tràm trên diện tích đất 11.964m^2, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

[4] Về yêu cầu "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*":

Ngày 14/10/2019, nguyên đơn rút yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 11.694 m2 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu trên và không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Văn P, anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Văn Lphải chịu 5.555.520 đồng (111.110.400 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn P, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn Lvà sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 169, khoản 1 Điều 170, Điều 173 BLDS năm 2005; khoản 3 Điều 27, khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cúc.

- Công nhận quyền sở hữu của ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cđối với toàn bộ cây tràm trên diện tích đất 11.964m^2 tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cvề việc buộc bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Văn P, anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Văn Lchấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện các quyền của chủ sở hữu.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 11.694 m^2 tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

3. Về án phí:

Các bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Văn P, anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Văn Lphải chịu 5.555.520 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ thể mỗi người phải chịu 1.111.000đồng. Ông Trịnh Văn M được trừ số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0000657 ngày 18/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gio Linh. Ông Mùi tiếp tục nộp số tiền 811.000đồng. Các bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Trịnh Vũ Minh, bà Nguyễn Thị Csố tiền 1.425.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2014/0000036 ngày 02/4/2015 và biên lai số AA/2014/0000505 ngày 19/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gio Linh.

Kể từ ngà y bả n ỏn cú hiệ u lự c phỏp luậ t, nế u cú đ ơn yờu cầ u thi hà nh ỏn củ a ngườ i đ ượ c thi hà nh ỏn, hà ng thỏng bờn phả i thi hà nh ỏn phả i chị u lói suấ t chậ m thi hà nh ỏn theo mứ c lói suấ t quy đ ị nh tạ i khoả n 2 Đ iề u 468 Bộ luậ t dõn sự nă m 2015.

Trư ờng hợ p bả n ỏn, quyế t đ ị nh đ ượ c thi hà nh theo quy đ ị nh tạ i Đ iề u 2 Luậ t Thi hà nh ỏn dõn sự thỡ ngườ i đ ượ c thi hà nh ỏn dõn sự, ngườ i phả i thi hà nh ỏn dõn sự cú quyề n thoả thuậ n thi hà nh ỏn, quyề n yờu cầ u thi hà nh ỏn, tự nguyệ n thi hà nh ỏn hoặ c bị cưỡ ng chế thi hà nh ỏn theo quy đ ị nh tạ i cỏc Đ iề u 6, 7 và 9 Luậ t Thi hà nh ỏn dõn sự; thờ i hiệ u thi hà nh ỏn đ ượ c thự c hiệ n theo quy đ ị nh tạ i Đ iề u 30 Luậ t Thi hà nh ỏn dõn sự.

Bả n ỏn phỳc thẩ m cú hiệ u lự c phỏp luậ t kể từ ngà y tuyờn ỏn.

Nơi nhậ n:
-VKS tỉ nh Quả ng Trị ;
- Chi Cụ c THADS G.Linh;
- Cỏc đ ương sự;
- Tũa ỏn huyệ n G.Linh;
- Phũng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lư u: Hồ sơ vụ ỏn.

TM. HỘI ĐỒNG XẫT XỬ PH□C THẨM
THẨM PH□N □ CHỦ TỌA PHIấN TềA

Nguyễ n Thị Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Viết Nam **Lờ Thiết Hựng** **Nguyễn Thị Thu Hà**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ, ngày 19 tháng 6 năm 2020

Tại: Phòng nghị án - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Thẩm phán: Ông Lê Thiết Hùng

Ông Đinh Viết Nam

Tiến hành nghị án vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 04/2020/TLST - DS ngày 10 tháng 1 năm 2020 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất;*

yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật " giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cúc.

Địa chỉ: thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cúc: Bà Trần Thị Hoàng Mai là người đại diện theo ủy quyền; địa chỉ: 117B Hùng Vương, Đông Hà, Quảng Trị (văn bản ủy quyền ngày 20/12/2016), có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn P, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L.

Đều trú tại: thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đàn; địa chỉ: số 21 Văn Cao, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/12/2019 và giấy ủy quyền ngày 17/12/2019), có mặt.

Người kháng cáo: Ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn L, ông Trịnh Văn P là bị đơn trong vụ án.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về quan hệ tranh chấp: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất; yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"*.

Biểu quyết 3/3

2. Về yêu cầu buộc bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Văn P, anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Văn Lchấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện các quyền của chủ sở hữu:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có quan điểm: Tại phiên tòa mặc dù các bị đơn không có hành vi trực tiếp cản trở nguyên đơn khai thác, nhưng bằng hình thức gián tiếp gọi điện thoại báo UBND xã không cho nguyên đơn khai thác và các bị đơn cũng cho rằng nếu nguyên đơn khai thác thì các bị đơn sẽ không cho. Đồng ý giữ nguyên án sơ thẩm về việc buộc các bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật của nguyên đơn.

- 02 Thẩm phán thành viên có quan điểm: Tại phiên tòa, ông M, bà Cthừa nhận các bị đơn không có hành vi trực tiếp cản trở việc nguyên đơn khai thác mà UBND xã Tkhông cho nguyên đơn khai thác vì đang có tranh chấp. Nguyên đơn cũng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc các bị đơn có hành vi cản trở ông M, bà Ckhai thác. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Văn P, anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Văn Lchấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện các quyền của chủ sở hữu.

Biểu quyết 2/3

3. Về công nhận quyền sở hữu của ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cđối với toàn bộ cây tràm trên diện tích đất 11.964m^2 tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị:

- Thẩm phán thành viên đ/c Nam cho rằng chưa đủ cơ sở xác định toàn bộ cây tràm trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị là do ông M, bà Ctrồng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đ/c Hà Thẩm phán chủ tọa và Thẩm phán thành viên đ/c Hùng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, bà Cvà Công nhận quyền sở hữu của ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cđối với toàn bộ cây tràm trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Biểu quyết 2/3

3. Kết quả biểu quyết xét xử 2/3 như sau:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, ông Trịnh Văn P, ông Trịnh Văn D, ông Trịnh Văn Lvà sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 169, khoản 1 Điều 170, Điều 173 BLDS năm 2005; Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cúc.

- Công nhận quyền sở hữu của ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cđối với toàn bộ cây tràm trên diện tích đất 11.964m^2, thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn ông Trịnh Văn M, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Văn P, anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Văn Lchấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện các quyền của chủ sở hữu của ông Trịnh Vũ Mvà bà Nguyễn Thị Cúc.

- Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu bổ sung về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 11.694 m2 thửa đất số 06, tờ bản đồ số 44 ở thôn K, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị,

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, các bị đơn ông Trịnh

Văn M, ông Trịnh Văn T, anh Trịnh Văn P, anh Trịnh Văn D, anh Trịnh Văn Lkhông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Quyết định còn lại của bản án sơ thẩm và về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bả n ỏn phỳc thẩ m cú hiệ u lự c phỏp luậ t kể từ ngà y tuyờn ỏn.

Nghị án kết thúc vào hồi 15giờ, ngày 26 tháng 6 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Thiết Hùng	**Đinh Viết Nam**	***Nguyễn Thị Thu Hà***